

Số: 66/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (Thông tư số 110/2015/TT-BTC) như sau:

1. Sửa đổi Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7 Điều 3 như sau:

“4. Tài khoản giao dịch thuế điện tử là tên và mật khẩu đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế để thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và tra cứu các chứng từ điện tử.

Tài khoản giao dịch thuế điện tử bao gồm 01 (một) tài khoản chính và tối đa không quá 10 (mười) tài khoản phụ. Tài khoản chính được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế sau khi người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế

theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. Tài khoản phụ do người nộp thuế đăng ký thông qua tài khoản chính để phân quyền thực hiện theo từng dịch vụ”.

“6. *Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN)* là người trung gian theo quy định của Luật giao dịch điện tử và được Tổng cục Thuế chấp nhận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cung cấp dịch vụ đại diện (một phần hoặc toàn bộ) cho người nộp thuế thực hiện việc gửi, nhận, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu điện tử; hỗ trợ khởi tạo, xử lý chứng từ điện tử; xác nhận việc thực hiện giao dịch điện tử giữa người nộp thuế với cơ quan thuế”.

2. Khoản 8, Khoản 9 Điều 3 sửa thành Khoản 7, Khoản 8.

3. Sửa đổi Khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này có giá trị như hồ sơ, chứng từ, thông báo và các văn bản bằng giấy. Chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc nếu được thực hiện bằng một trong các biện pháp quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính (sau đây gọi là Nghị định số 165/2018/NĐ-CP).

Chứng từ điện tử được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

Chứng từ điện tử có thể chuyển đổi sang chứng từ giấy và ngược lại theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 165/2018/NĐ-CP”.

4. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử, nộp thuế điện tử

1. Người nộp thuế được thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

2. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử là căn cứ để cơ quan thuế tính thời gian nộp hồ sơ thuế và xử lý hành vi chậm nộp hoặc hành vi không nộp hồ sơ thuế của người nộp thuế; hoặc tính thời gian để giải quyết hồ sơ thuế điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định tại Thông tư này. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử được xác định như sau:

a) Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Đối với hồ sơ khai thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin

tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Đối với chứng từ nộp thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận chứng từ nộp thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Đối với hồ sơ hoàn thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Ngày nộp thuế điện tử được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa (sau đây gọi là Thông tư số 84/2016/TT-BTC).

Cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi Thông báo về việc xác nhận nộp thuế điện tử (theo mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến người nộp thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được thông báo từ ngân hàng xác nhận nộp thuế điện tử thành công hoặc lý do nộp thuế điện tử không thành công, trừ trường hợp nộp thuế điện tử qua hình thức thanh toán điện tử của ngân hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư này”.

5. Sửa đổi Khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Trường hợp lỗi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ thuế, nộp thuế thì:

a) Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo thời điểm sự cố của hệ thống, thời điểm hệ thống tiếp tục hoạt động (theo mẫu 02/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Người nộp thuế nộp hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử trong ngày tiếp theo liền kề ngày Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp thực hiện quy định tại Khoản c Điểm này. Hồ sơ thuế, chứng từ điện tử nộp trong thời gian này là đúng hạn.

c) Người nộp thuế có yêu cầu nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thực hiện tiếp nhận và giải quyết cho người nộp thuế theo quy định”.

6. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3 Điều 15 như sau:

“1. Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 01/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng

thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Chỉ sau khi được cơ quan thuế thông báo chấp nhận cấp tài khoản giao dịch điện tử theo quy định tại Điều này hoặc Điều 32 Thông tư này, người nộp thuế mới có thể thực hiện các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định (trừ trường hợp đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Điều 19 Thông tư này).

Người nộp thuế được cấp một tài khoản chính để thực hiện đầy đủ các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này, trừ quy định tại Khoản 2 Điều này. Người nộp thuế được sử dụng tài khoản chính để đăng ký thêm một hoặc một số tài khoản phụ qua chức năng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện từng giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử của người nộp thuế.

Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông tin về tài khoản giao dịch thuế điện tử cho người nộp thuế.

Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ vào lý do không chấp nhận của cơ quan thuế tại thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để hoàn chỉnh thông tin đăng ký, ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, hỗ trợ”.

“3. Đối với cá nhân có mã số thuế và sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử, việc đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế thực hiện như sau:

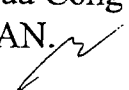
a) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ khai thuế hoặc nộp thuế định kỳ, người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký giao dịch theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Người nộp thuế đến cơ quan thuế bất kỳ xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân để nhận và kích hoạt tài khoản giao dịch thuế điện tử.

b) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ khai thuế hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh, người nộp thuế thực hiện đăng ký giao dịch điện tử từng lần đồng thời với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế”.

7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Đăng ký thuế điện tử là việc người nộp thuế (trừ người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh) thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký thuế (trừ trường hợp nhận kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.



Trường hợp đăng ký thuế lần đầu, người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký thuế theo quy định tại Điều 19 Thông tư này”.

8. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Đăng ký thuế lần đầu

1. Người nộp thuế mới thành lập hoặc bắt đầu phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để khai và nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (sau đây gọi là Thông tư số 95/2016/TT-BTC).

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, đối chiếu thông tin và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế, thông báo nêu rõ thời gian, địa điểm trả kết quả, đồng thời yêu cầu người nộp thuế mang hồ sơ giấy đến trụ sở cơ quan thuế.

3. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, cơ quan thuế giải quyết theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế bản giấy tại trụ sở của cơ quan thuế ghi trên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Cơ quan thuế đối chiếu ngay hồ sơ đăng ký thuế bản giấy với hồ sơ đã nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy khớp với hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng bản giấy không khớp đúng với hồ sơ điện tử và thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy đầy đủ, chính xác, cơ quan thuế giải quyết theo hồ sơ giấy và trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy không đầy đủ, không chính xác, cơ quan thuế hướng dẫn người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin và nộp lại hồ sơ đăng ký thuế bản giấy khác.

Sau thời hạn trả kết quả đăng ký thuế 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử mà người nộp thuế không đến cơ quan thuế hoặc đến cơ quan thuế nhưng không có văn bản nêu rõ lý do thì hồ sơ đăng ký thuế điện tử đã nộp không còn hiệu lực.

4. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

